

Bản án số: **43/2019/HS-ST**

Ngày: 15/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.
- **Các Hội thẩm nhân dân** : Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.
- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà**: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà**: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2019/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HS ngày 02/10/2019 đối với các bị cáo :

1. Họ và Tên: **Nguyễn Văn T** sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: xóm 3, xã KH, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 6/12; Tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Trần Thị Thu T và 02 con;

Tiền án: Bản án số 312/2017/HSST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng nai xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 23/01/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích;

Tiền sự: không.

Lịch sử bản thân: Ngày 17/4/2012 bị TAND huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đã được xóa án tích;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/3/2019, chuyển tạm giam ngày 18/3/2019 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

2. Họ và Tên: **Phạm Văn N**, sinh năm 1965.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: xóm 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/10; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Trần Thị H (đã chết); có vợ là Hoàng Thị N và 02 con;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

* Người bị hại:

- Anh Phạm Văn T4, sinh năm 1983; Trú tại xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển phát nhanh TP- chi nhánh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là công ty T), do anh Đặng Đức T5, sinh năm 1992; Trú tại thôn Đ, xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên là đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

- Anh Ngô Văn D, sinh năm 1973; Trú tại phố Y, thị trấn YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

- Trung tâm vệ sinh môi trường đô thị K, do ông Trương Ngọc D1, sinh năm 1964; Trú tại phố K, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (vắng mặt);

- Ông Phan Văn M, sinh năm 1968; Trú tại xóm 4, Đ, xã M, huyện YM, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- Anh Phạm Văn C, sinh năm 1979; Trú tại xóm 4, Đ, xã M, huyện YM, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- Anh Vũ Đức Th, sinh năm 1990; Trú tại xóm 9, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình(vắng mặt);

- Ông Ninh Văn H, sinh năm 1970; Trú tại xóm 14B, xã LT, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1980; trú tại xóm 4, xã LT, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

- Nhà văn hóa xóm N, xã P, huyện YM, do ông Trịnh Thanh T, sinh năm 1960 (xóm trưởng); Trú tại xóm N, xã P, huyện YM, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền(vắng mặt);

- Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1989; Trú tại xóm 3, xã KĐ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Văn C, sinh năm 1993; Trú tại xóm 1, xã KH, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

- Chị Trần Thị Thu Th1, sinh năm 1995; Trú tại xóm 3, xã KH, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

* Người làm chứng:

Ông Trần Văn Đ1, chị Phạm Thị Đ2, chị Hoàng Thị D2, chị Trần Thị D3, ông Nguyễn Đức Đ3, anh Bùi Tiến S, ông Trần Văn H1, anh Vũ Văn S, chị Đào Thị Th2, anh Phạm Văn C2, bà Lã Thị Th3, bà Phạm Thị H2, ông Phạm Hồng T1 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Nguyễn Văn T là người không có nghề nghiệp, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến ngày 13/3/2019 T đã thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K và huyện YM tỉnh Ninh bình, sau đó có 7 lần đem bán cho Phạm Văn N, cụ thể như sau :

Lần thứ nhất : Đêm 30/12/2018 T điều khiển xe mô tô đến khu vực chợ QH thuộc xóm 2, xã H, huyện K, thấy cửa hàng điện thoại di động của anh Phạm Văn T có khóa ngoài, T dùng kim cộng lực bẻ gãy tai khóa đột nhập vào nhà lấy trộm 06 chiếc điện thoại di động và 320.000đ để ở trong tủ, sau đó T bán cho người đàn ông

không quen biết chiếc điện thoại VIVO Y55S với giá 1.200.000đ, số điện thoại còn lại T cho vào túi nilon màu đen vút ở ven đường QL10 trên đường về nhà.

Kết luận định giá tài sản số 22/HĐ-ĐG ngày 12/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận giá trị còn lại của 06 chiếc điện thoại T chiếm đoạt của anh T là 8.596.000đ.

Lần thứ hai: đêm 05/01/2019 T điều khiển xe mô tô đến khu vực xóm 7A, xã KC, huyện K thì phát hiện trụ sở Bưu cục POST J&T- ESS thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển phát nhanh TP– chi nhánh Bắc Ninh (công ty TP) có khóa ngoài cửa xếp, T dùng kim công lực phá tai cửa xếp đột nhập vào nhà lấy trộm các gói hàng để trong giỏ nhựa và chiếc đầu thu model (camera an ninh), sau đó T lên khu vực bến xe khách Ninh Bình bán cho người đàn ông không quen biết chiếc điện thoại Iphone 7 Plus với giá 4.500.000đ và bán chiếc dây chuyền bạc cùng chiếc vòng bạc cho người phụ nữ không quen biết với giá 400.000đ. Riêng chiếc đầu thu Tvút ở ven đường đi, số tài sản còn lại để trong túi bóng bị làm rơi trên đường đi.

Kết luận định giá tài sản số 33/HĐ-ĐG ngày 12/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kim Sơn kết luận giá trị còn lại của các tài sản T chiếm đoạt của Công ty TP là 21.038.000đ.

Lần thứ ba: khoảng 20 giờ ngày 09/01/2019, T điều khiển xe mô tô đến khu vực đường quốc lộ 12B thuộc tổ dân phố C, thị trấn YT, huyện YM, thấy nhà nghỉ TD2 của ông Ngô Văn D khóa ngoài cửa xếp, T dùng kim công lực và cờ lê bẻ gãy khóa cửa xếp, đột nhập vào trong lấy trộm 01 ti vi nhãn hiệu Việt sonic loại 32 in; 01 đầu thu camera kèm theo mắt soi nhãn hiệu ĐA HUA, sau đó đưa chiếc ti vi về bán cho Phạm Văn N ở xóm 1, xã ĐH, huyện K được 1.000.000đ, còn chiếc đầu thu kèm mắt soi T vút trên đường về nhà. Sau khi mua được ti vi, do bị làm rơi vỡ màn hình nên N đã bán phế liệu cho người đi đường với giá 35.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 02/HĐ-ĐG ngày 04/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện YM kết luận giá trị còn lại của các tài sản T chiếm đoạt của ông Ngô Văn D là 4.060.000đ (trong đó chiếc ti vi Việt sonic loại 32 in giá trị còn lại là 1.750.000đ).

Lần thứ tư: đêm 19/01/2019 T điều khiển xe mô tô đến khu vực nhà văn hóa thiếu nhi huyện K thuộc xóm A, xã T, dùng cờ lê mang theo vặn ốc 02 xe ô tô chở rác của Trung tâm vệ sinh môi trường đô thị huyện K lấy trộm 02 bình ắc quy loại 150A nhãn hiệu Đồng Nai và 02 ắc quy 60A nhãn hiệu Đồng Nai, sau đó đem về xóm 1, xã Đ bán cho Phạm Văn N 02 bình ắc quy loại 150A với giá 1.000.000đ, còn 02 bình ắc quy loại 60A T làm rơi trên đường đi.

Kết luận định giá tài sản số 25/HĐ-ĐG ngày 20/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận giá trị còn lại của các tài sản T chiếm đoạt của Trung tâm vệ sinh môi trường đô thị huyện K là 5.932.000đ (trong đó giá trị còn lại của 02 bình ắc quy loại 150A là 3.660.000đ).

Lần thứ năm: khoảng 02 giờ ngày 22/02/2019 T điều khiển xe mô tô dọc theo QL12B tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực xóm 4 Đ, xã M, huyện YM, phát hiện nhà hàng Gió Mới của ông Phan Văn M và anh Phạm Văn C khóa ngoài cửa xếp, T dùng kim công lực và cờ lê vặn tai khóa cửa, đột nhập vào trong nhà lấy trộm 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung loại 48 in màu đen, 01 loa sup siêu trầm màu đen; 01 âm ly màu đen, 02 mịch không dây và 01 đầu thu mic mang về xóm 1, xã Đ, huyện K bán cho Phạm Văn N 01 ti vi với giá 2.000.000đ, riêng loa sup, âm ly, đầu thu mic và 02 chiếc mic không dây T mang về nhà bố vợ ở xóm 6, xã L. Chiếc

ti vi N giữ lại để sử dụng được một ngày thì bị hỏng nên N đã bán cho người đi đường với giá 100.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 03/HĐ-ĐG ngày 11/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện YM kết luận giá trị còn lại của các tài sản T chiếm đoạt của ông M và anh C là 14.930.000đ (trong đó giá trị còn lại của chiếc ti vi Sam Sung loại 48 in là 6.900.000đ).

Lần thứ sáu: đêm 26/02/2019 T điều khiển xe mô tô đến khu vực xóm 2, xã Q, huyện K dùng kim cộng lực cắt tai cửa xếp quán lẩu của anh Vũ Đức T, đột nhập vào quán lấy trộm 01 chiếc ti vi Sony loại 49 in màu đen, 01 chiếc chăn lông, 01 đầu thu camera và số tiền 70.000đ ở trong lợn nhựa, sau đó mang chiếc ti vi bọc chăn lông xuống xóm 1, xã Đ bán cho Phạm Văn N với giá 2.000.000đ, còn đầu thu camera T vứt trên đường về nhà. Sau khi mua được ti vi N đã bán lại cho anh Phạm Văn C1 ở xóm 1, xã K với giá 3.000.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 25/HĐ-ĐG ngày 08/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận giá trị còn lại của các tài sản T chiếm đoạt của anh Vũ Đức Th là 8.975.000đ (trong đó giá trị còn lại của chiếc ti vi Sony loại 49 in là 7.380.000đ; của chiếc chăn lông là 215.000đ).

Lần thứ bảy: đêm 02/3/2019 T điều khiển xe mô tô đến xóm 14B, xã LT, huyện K dùng cà lê tháo trộm 02 bình ắc quy loại 120A nhãn hiệu Đồng Nai và 04 bình ắc quy loại 100A nhãn hiệu Đồng Nai trên các xe ô tô của ông Ninh Văn H, sau đó đem về xóm 1, xã Đ bán 05 bình ắc quy cho Phạm Văn N với giá 1.400.000đ, còn 01 bình ắc quy loại 120A bị làm rơi trên đường đi.

Kết luận định giá tài sản số 25/HĐ-ĐG ngày 05/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận giá trị còn lại của các tài sản T chiếm đoạt của ông Ninh Văn H là 7.884.000đ (trong đó giá trị còn lại của 04 ắc quy loại 100A là 4.848.000đ; của 01 chiếc ắc quy loại 120A là $3.036.000đ : 2 = 1.518.000đ$).

Lần thứ tám: khoảng 02 giờ ngày 11/3/2019 T điều khiển xe mô tô đi dọc theo QL12B lên địa bàn huyện YM tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà văn hóa xóm N, xã YP, T dùng cò lê phá khóa cổng và cửa nhà, đột nhập vào trong lấy trộm 02 chiếc loa nhãn hiệu Caliphate; 01 mic có dây màu đen nhãn hiệu Shure; 01 âm ly màu đen và 01 đầu đĩa màu đen cùng nhãn hiệu Jarguar, sau đó đem về xóm 1, xã Đ bán cho Phạm Văn N 02 chiếc loa, 01 âm ly với giá 800.000đ, còn đầu đĩa và mic vứt ở ven đường trên đường về nhà.

Kết luận định giá tài sản số 04/HĐ-ĐG ngày 22/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Mô kết luận giá trị còn lại của các tài sản Thành chiếm đoạt của nhà văn hóa xóm Nam Thành, xã Yên Phong là 1.610.000đ (trong đó giá trị còn lại của 02 chiếc loa là 520.000đ; của 01 chiếc âm ly là 600.000đ).

Lần thứ chín: sáng 12/3/2019 T điều khiển xe mô tô đến xóm 4, xã LT, huyện K dùng kim cộng lực cắt tai cửa xếp nhà chị Nguyễn Thị Thu P, đột nhập vào trong lấy trộm 02 chiếc nhẫn vàng tây trọng lượng 1,5 chỉ có gắn đá màu đen và số tiền 880.000đ trong két sắt.

Kết luận định giá tài sản số 24/HĐ-ĐG ngày 17/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận giá trị của 02 chiếc nhẫn vàng tây loại 10K, trọng lượng 0,75 chỉ/nhẫn có gắn mặt đá màu đen là 3.500.000đ. Tổng tài sản Thành chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu P là 4.380.000đ.

Lần thứ mười: khoảng 00 giờ ngày 13/3/2019, T đến xóm 3, xã KĐ, huyện K dùng kim cộng lực và cà lê phá tai cửa khóa xếp nhà anh Nguyễn Đức Đ, đột nhập

vào trong lấy trộm 01 chiếc Ipad 4 nhãn hiệu Apple màu trắng bạc kèm theo 01 ốp da màu vàng-nâu; 02 nhẫn cưới bằng vàng tây và 01 chiếc nhẫn mỹ ký; 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sony 43 in kèm theo cục nguồn và 01 chặn lông, sau đó đưa đến quán thu mua phế liệu ở xóm 1, xã Đ, thỏa thuận bán chiếc ti vi bọc trong chặn lông cho N với giá 2.000.000đ nhưng chưa thanh toán tiền thì thấy tổ công tác công an huyện K tuần tra, T khiếp sợ bỏ chạy. Tổ công tác công an huyện K đã kiểm tra hành chính, thu giữ chiếc ti vi Sony bọc trong chiếc chặn lông mà T vừa bán cho N, đồng thời truy đuổi T, thu giữ 01 xe mô tô kèm theo 01 giỏ nhựa bên trong có các dụng cụ dùng làm công cụ phạm tội, 01 chiếc Ipad 4 kèm theo ốp nhựa và 01 mũ bảo hiểm, 01 đôi ủng do T vứt lại tại khu vực xóm 9, xã Đ. Bị cáo bỏ trốn sang huyện N, tỉnh Nam Định và bán 02 chiếc nhẫn cưới bằng vàng tây lấy trộm ở nhà anh Nguyễn Đức Đ, 02 chiếc nhẫn vàng tây lấy trộm ở nhà chị Nguyễn Thị Thu P cho chủ hàng vàng không quen biết ở huyện N được 5.000.000đ, còn chiếc nhẫn mỹ ký do không bán được nên bị cáo vứt đi. Đến chiều ngày 13/3/2019, biết không thể trốn được bị cáo T đến cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K đầu thú và giao nộp số tiền 1.350.000đ còn lại, 01 ví da màu nâu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J4 màu vàng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Phạm Văn N cũng thừa nhận đã 7 lần mua lại các tài sản do T trộm cắp mà có, trong đó 04 chiếc ti vi, đã làm hỏng 02 chiếc, bán cho anh C1 01 chiếc và 01 chiếc mới thỏa thuận việc mua bán chưa kịp trả tiền cho T thì bị công an phát hiện thu giữ; đối với số ắc quy mua của T sau đó N đã bán cho chị Phạm thị Đ2 là người thu mua phế liệu ở huyện NT, tỉnh Nam Định.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T tại xóm 6, xã LP, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K thu giữ 02 chiếc mic không dây và 01 đầu thu mic không dây đều mang nhãn hiệu Jarugara, 01 cục nguồn màu đen trên mặt ghi chữ ACIAD, 01 dây dẫn điện màu đen, 01 dây dẫn điện màu đỏ, 01 mũ bảo hiểm mác ROYAL.

Khám xét nơi ở của Phạm Văn N tại xóm 6, xã Đ thu giữ 02 loa nhãn hiệu Caliphate, 01 âm ly màu đen nhãn hiệu Jarguar.

Khám nghiệm hiện trường cơ quan công an thu giữ 01 con dao bìa, 01 đoạn mũi dao inox gây phần mũi mà bị cáo T sử dụng để cạy phá ngăn kéo giường ngủ nhà anh Đ.

Ngoài ra cơ quan công an còn thu giữ của bị cáo T 01 áo khoác, thu giữ của N 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sony 48 in, 02 bình ắc quy loại 150A vỏ màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Itel. Thu giữ tại nhà anh Phạm Văn C1 ở xóm 1, xã KH 01 ti vi Sony 49 in, 01 cục nguồn và 01 điều khiển. Chị Trần Thị Thu Th1, vợ bị cáo T giao nộp cho cơ quan công an 01 loa sup siêu trầm, 01 âm ly.

Bản kết luận định giá tài sản số 09/HĐ-ĐG ngày 15/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận giá trị tài sản còn lại của ti vi nhãn hiệu Sony 43 in màu đen là 4.200.000đ; của Ipat4 nhãn hiệu Apple màu trắng bạc là 3.000.000đ; của 01 ốp da màu vàng nâu là 87.000đ; của 01 chặn lông màu vàng nâu là 210.000đ; Bản kết luận số 23/HĐ-ĐG ngày 15/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận giá trị tại thời điểm xâm hại của 01 nhẫn cưới nam loại vàng tây 10K trọng lượng 0,6 chỉ là 1.170.000đ; của 01 nhẫn cưới nữ loại vàng tây 10K có trọng lượng 0,4 chỉ là 758.000đ; của 01 nhẫn mỹ ký gắn mặt đá màu xanh là 255.000đ.

Như vậy tổng giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt của anh Nguyễn Đức Đ là 9.680.000đ, trong đó bị cáo T bán cho bị cáo N chiếc ti vi quần trong chiếc chăn lông có giá trị còn lại của cả ti vi và chăn lông là 4.410.000đ.

Ngoài ra trong quá trình điều tra bị cáo T còn khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 01/2019 T còn thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện K, YK và YM sau đó đem tài sản đến bán cho Phạm Văn N. Cả 3 vụ trộm trên do chưa xác định được người bị hại vì vậy cơ quan điều tra công an huyện K đã tách tài liệu điều tra cùng các vật chứng của những vụ án trên để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 03/9/2019 VKSND huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 và bị cáo Phạm Văn N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”; bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” .

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm r,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 12 – 18 tháng tù.

Áp dụng Điều 42 BLHS; Các Điều 584,585,586,589 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết về trách nhiệm dân sự;

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ và biện pháp tư pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn N đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đồng bọn như nội dung cáo trạng đã nêu. Nội dung bị cáo T khai, bản thân bị cáo là người mới chấp hành xong hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản, sau khi ra tù bị cáo không có nghề nghiệp, do không có tiền tiêu sài nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để phục vụ cho cuộc sống và nhu cầu của bản thân. Do không muốn cho gia đình biết nên bị cáo nói dối là đi bán hoa vào các buổi tối ở thành phố Ninh Bình. Bằng thủ đoạn vào các buổi tối dùng xe mô tô mang theo kìm cộng lực, cào lê đi quan sát các xe ô tô đậu ven đường không có ai trông coi để ăn trộm bình ắc quy và quan sát các nhà dân thấy cửa khóa ngoài không có ai trông coi để dùng kìm cộng lực và cào lê cắt tai khóa cửa đột nhập vào trong nhà trộm cắp tài sản sau đó đem về cửa hàng thu mua phế liệu ở xóm 1, xã Đ bán cho Phạm Văn N và đem bán cho một số người không quan biết lấy tiền sinh sống và phục vụ cho việc tiêu sài của bản thân. Với thủ đoạn trên trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến ngày 13/3/2019 bị cáo đã thực hiện trên 10 lần trộm cắp tài sản của những người bị hại trên

địa bàn các huyện K, YM với tổng giá trị tài sản trộm cắp lên tới trên 80 triệu đồng. Bị cáo Nguyễn thừa nhận trong khoảng thời gian trên bị cáo đã 7 lần mua tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có. Mặc dù giữa bị cáo và T không có hứa hẹn từ trước, nhưng bị cáo cũng ngầm hiểu các tài sản mà bị cáo T bán cho bị cáo là tài sản do trộm cắp mà có vì T thường đem các tài sản trên đến bán cho bị cáo vào buổi đêm gần sáng, do hám lời nên bị cáo đã nhận mua của T 5 chiếc tivi và nhiều bình ắc quy cùng một số tài sản khác để bán lại cho người khác nhằm thu lời bất chính.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như đơn trình báo, biên bản sự việc, tiếp nhận tố giác tin báo về tội phạm, biên bản làm việc, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, vật chứng cũng như kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện K và Y về giá trị các tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp và tiêu thụ...

[2] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Nguyễn Văn T là người không có nghề nghiệp, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến ngày 13/3/2019 đã 10 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác có tổng giá trị tài sản trộm cắp là 87.085.000đ và lấy đó làm nguồn sống của bản thân, bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015; Bị cáo Phạm Văn N là người có nghề nghiệp ổn định, dù không hứa hẹn trước nhưng biết đó là tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có, vì hám lợi bị cáo đã 7 lần tiêu thụ các tài sản do bị cáo T trộm cắp với tổng giá trị tài sản tiêu thụ là 31.801.000đ, bị cáo Phạm Văn N đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ. Lợi dụng người bị hại có sơ hở trong việc trông coi tài sản, bị cáo T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của họ, sau đó đem bán cho Phạm Văn N để tiêu thụ nhằm thu lời bất chính và phục vụ cho việc tiêu sài của bản thân các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự có thể xảy ra trên địa bàn.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn N thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Riêng bị cáo T mặc dù đã có tiền án, nhưng tình tiết có tiền án đã được áp dụng để truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000đ (lần trộm cắp thứ 8 tại nhà văn hóa xóm N, xã YP, huyện YM có giá trị 1.610.000đ) vì vậy không áp dụng là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo; Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội bị cáo T đã đến cơ quan công an đầu thú; các bị cáo T và N khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình và tự thú về hành vi phạm tội trước đó, bị cáo N là người bị tật từ nhỏ, đi lại khó khăn, đây là các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét bị cáo T là người đang có tiền án lại thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần với số tài sản chiếm đoạt có giá trị lớn; nhân thân của bị cáo là người không có nghề nghiệp và mặc dù đã nhiều lần bị xử lý hình sự và vẫn còn án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, còn bị cáo N dù chưa có tiền án tiền sự, nhưng vì hám lợi mà bị cáo đã liên tục thực hiện hành vi phạm tội tiêu thụ tài sản do bị cáo T phạm tội mà có với giá trị tài sản

tiêu thụ lớn, vì vậy HĐXX xét thấy cần phải xử lý nghiêm khắc buộc cả hai bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân lương thiện.

Quá trình điều tra bị cáo T còn khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 01/2019 T còn thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện K, YK và YM sau đó đem tài sản đến bán cho Phạm Văn N, gồm vụ trộm cắp 02 bình ắc quy của xe containel ở khu vực cây xăng LH, thuộc xã TK, huyện K đem bán cho N được 800.000đ và trộm túi đựng đồ sửa chữa xe của xe containel để sử dụng làm công cụ phạm tội; vụ trộm chiếc ti vi Sony 48 in của một nhà dân ở khu vực phía trên bên trái khu công nghiệp KP, sau đó đem bán cho Phạm Văn N với giá 2.500.000đ (chiếc ti vi trên N giữ lại sử dụng và đã bị công an K thu giữ ngày 14/3/2019) và vụ trộm cắp 02 bình ắc quy của xe containel ở khu vực cổng nhà máy giấy ADORA thuộc xã YL, huyện YM sau đó đem bán cho N với giá 800.000đ. Cả 3 vụ trộm trên do chưa xác định được người bị hại vì vậy cơ quan điều tra công an huyện K đã tách tài liệu điều tra cùng các vật chứng của những vụ án trên để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án cơ quan công an đã thu hồi được một số tài sản trả lại cho người bị hại gồm: trả cho anh Vũ Đức T 01 chiếc ti vi Sony 49in, trả lại cho nhà văn hóa xóm NT 01 âm ly và 02 loa thùng (riêng đầu đĩa và 02 micro bị cáo làm mất có giá trị không đáng kể nên đại diện nhà văn hóa xóm NT không yêu cầu bị cáo bồi thường). Đối với số tài sản bị cáo T đã tiêu thụ không thu hồi lại được, nay cần buộc bị cáo T phải bồi thường giá trị các tài sản đó cho những người bị hại bao gồm: anh Nguyễn Đức Đ 2.183.000đ; anh Phạm Văn T 8.916.000đ; Công ty TP 21.038.000đ; Trung tâm vệ sinh môi trường đô thị huyện K 5.932.000đ; anh Vũ Đức Th 1.670.000đ, ông Ninh Văn H 7.884.000đ; chị Nguyễn Thị Thu P 4.380.000đ; ông Ngô Văn D 4.060.000đ; anh Phạm Văn C 6.900.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo T phải bồi thường cho những người bị hại là 62.963.000đ. Đối với chiếc ti vi Sony 49in anh Phạm Văn C1 mua lại từ bị cáo N và đã bị công an thu hồi trả lại cho người bị hại là anh Vũ Đức Th, do anh C1 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có vì vậy cần buộc bị cáo N phải hoàn trả cho anh C1 số tiền mua chiếc ti vi trên là 3.000.000đ.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý xong một số vật chứng trong vụ án bao gồm trả lại cho anh Nguyễn Đức Đ 01 ti vi Sony 43 in, 01 Ipad, 01 ốp da, 01 chặn lông và trả cho anh Vũ Đức Th 01 chiếc ti vi Sony 49in; trả lại cho nhà văn hóa xóm NT 01 âm ly và 02 loa thùng. Hiện nay cơ quan điều tra còn chuyển đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện K số tiền 1.350.000đ và một số tài sản, vật chứng khác. Trong đó số tiền 1.350.000đ là tiền bị cáo T giao nộp từ tiền bán tài sản trộm cắp nay cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án về trách nhiệm dân sự của bị cáo; Đối với chiếc xe mô tô không gắn biển kiểm soát, màu sơn xanh nhãn hiệu LYN, phía sau có gắn giá đèo hàng, qua xác minh đây là xe bị cáo mua của người khác nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng, bị cáo dùng xe làm phương tiện phạm tội vì vậy cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước; 01 đôi găng tay, 01 chiếc tất chân, 01 áo khoác, 02 chiếc mũ bảo hiểm, 01 đôi ủng và 01 ví giả da là tài sản và đồ dùng sinh hoạt của bị cáo T, không liên quan đến tội phạm vì vậy cần trả lại cho bị cáo; đối với chiếc điện thoại Sam sung J4 đã thu từ bị cáo T, đây là điện thoại của chị Trần Thị Thu Th1 (vợ bị cáo) không

liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho chị Th; chiếc điện thoại nhãn hiệu ITEL thu giữ của bị cáo N không liên quan đến việc phạm tội vì vậy cần trả lại cho bị cáo N nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án về trách nhiệm dân sự của bị cáo. Đối với 01 dao búa, 01 đoạn mũi dao Inox, 01 đoạn dao Inox, 01 dao Inox bị gãy phần lưỡi bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 2.000.000đ bị cáo bán chiếc tivi trộm cắp của anh Vũ Đức Th và số tiền 800.000đ bị cáo bán 02 loa, 01 âm ly trộm cắp của nhà Văn hóa xóm NT cho bị cáo N, sau đó các tài sản trên đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, tổng số tiền là 2.800.000đ, đây là tiền do phạm tội mà có vì vậy cần tịch thu số tiền trên từ bị cáo T để sung quỹ nhà nước.

[6] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí HSST và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[7] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

+ Áp dụng điểm b , c khoản 2 Điều 173; điểm r,s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 3 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo 13/3/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm r,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn N 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thụ hình.

+ Áp dụng Điều 42 BLHS; Các Điều 584,585,586,589 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự :

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho những người bị hại bao gồm: anh Nguyễn Đức Đ số tiền 2.183.000đ; anh Phạm Văn T4 8.916.000đ; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển phát nhanh TP – chi nhánh Bắc Ninh 21.038.000đ; Trung tâm vệ sinh môi trường đô thị huyện K 5.932.000đ; anh Vũ Đức Th 1.670.000đ, ông Ninh Văn H 7.884.000đ; chị Nguyễn Thị Thu P4.380.000đ; ông Ngô Văn D4.060.000đ; anh Phạm Văn C1 6.900.000đ (Tổng giá trị tài sản bị cáo T phải bồi thường cho những người bị hại là 62.963.000đ. Bị cáo đã giao nộp 1.350.000đ, còn phải bồi thường tiếp số tiền 61.613.000đ); Buộc bị cáo Phạm Văn N phải hoàn trả cho anh Phạm Văn C1 số tiền 3.000.000đ.

+ Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu từ bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 2.800.000đ do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước;

- Tiếp tục quản lý số tiền 1.350.000đ đã thu giữ từ bị cáo T để đảm bảo thi hành án về khoản tiền bị cáo T phải bồi thường;

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn T chiếc xe mô tô không gắn biển kiểm soát, màu sơn xanh nhãn hiệu LYN, phía sau có gắn giá đèo hàng là xe bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội để hóa giá sung quỹ nhà nước;

- Tịch thu 01 dao búa, 01 đoạn mũi dao Inox, 01 đoạn lưỡi dao Inox, 01 dao Inox bị gãy phần lưỡi bị cáo T dùng làm công cụ phạm tội cho tiêu hủy;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 đôi găng tay, 01 chiếc tất chân, 01 áo khoác, 02 chiếc mũ bảo hiểm, 01 đôi ủng và 01 ví giả da; Trả lại cho bị cáo Phạm Văn N 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IteL, nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án về khoản tiền phải hoàn trả của bị cáo; Trả lại cho chị Trần Thị Thu Th1 chiếc điện thoại Sam sung J4.

(Chi tiết vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 05/9/2019 giữa cơ quan điều tra công an huyện Kim Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

+ Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 3.080.000đ ; bị cáo Phạm Văn N phải nộp 300.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu các bị cáo không thanh toán khoản tiền phải trả nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã KĐ;
- Các bị cáo;
- Những người bị hại;
- Người có quyền lợi, nv liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Mạnh